

25 sự thật thú vị về tiếng Hàn Quốc

한국어에 대한 흥미로운 25 가지 사실

1. Trước đây các nhà ngôn ngữ học liên kết tiếng Hàn với nhóm ngôn ngữ Ural – Altai, các tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Mông Cổ, Hungary và Phần Lan cũng thuộc nhóm này. Nhưng do không có đủ bằng chứng về mối quan hệ phả hệ với các ngôn ngữ khác, các nhà ngôn ngữ học khác coi tiếng Hàn Quốc là ngôn ngữ biệt lập (ngữ hệ Korea - Koreanic). Ngày nay, có khoảng 78 triệu người nói tiếng Hàn, phần lớn sống trên lãnh thổ của bán đảo Triều Tiên. Ngoài ra, cộng đồng người Korea đang sống rải rác khắp nơi trên thế giới.
2. Người Hàn Quốc có 5 phương ngữ chính ở Hàn Quốc và một phương ngữ ở Triều Tiên. Tuy có sự khác biệt về địa lý và chính trị xã hội nhưng tiếng Hàn là một ngôn ngữ tương đối đồng nhất. Người nói tiếng Hàn đến từ các nơi khác có thể dễ dàng hiểu nhau. Nam bắc Hàn khác nhau nhất phần Nguyên tắc đầu âm (두음법칙): 로농- 노동.
3. Tiếng Hàn được coi là thứ tiếng lễ nghĩa nhất trên thế giới. Để giao tiếp đúng cách thì bạn phải luôn cân nhắc đến địa vị của đối phương và phải sử dụng các từ vựng và đuôi câu thích hợp. Tối thiểu có 7 phương pháp kính ngữ trong tiếng Hàn, tôn trọng chủ thể, tôn trọng khách thể v.v... Điều này có nghĩa bạn không chỉ giỏi ngôn ngữ mà còn phải hiểu rõ văn hóa nữa.
4. Thoạt nhìn có vẻ người Hàn Quốc sử dụng ngôn ngữ tượng hình. Nhưng không phải. Bảng chữ cái chính (và duy nhất) của tiếng Hàn là Hangeul, được một nhóm học giả phát triển đặc biệt theo lệnh của vua Sejong vào năm 1443. Tuy nhiên, cũng có một truyền thuyết cho rằng nhà sư Phật giáo Sal Chon đã phát minh ra bảng chữ cái này.
5. Trước khi Hangeul xuất hiện, người Hàn Quốc sử dụng Hán tự (Hanja - thể văn ngôn) dựa trên chữ tượng hình của Trung Quốc. Điều thú vị là Hán tự vẫn được sử dụng trong văn học và khoa học của Hàn Quốc cho đến ngày nay. Lấy ví dụ như trong từ điển, các từ vựng gốc Hán vẫn được biểu thị trong cả 2 hệ chữ viết phổ biến (Hangeul và Hán tự).

6. Tương truyền, các nguyên âm đều được sáng tạo trên nguyên lý âm dương và Tam Tài (Thiên - Địa - Nhân). Các nguyên âm đều được cấu tạo bởi " • " là Dương, tượng trưng cho Thiên, "—" là Âm, tượng trưng cho Địa, và " | " là Trung gian, tượng trưng cho Nhân.
7. Tiếng Hàn không có dấu như tiếng Việt, nhưng có ngữ điệu lên xuống: 밥 먹었어 (xuống giọng thì thành câu thường, lên giọng thì thành câu hỏi)
8. Khoảng 50% các từ vựng tiếng Hàn có nguồn gốc từ Trung Quốc. Tuy nhiên chung quy là Trung Quốc đã chiếm hữu lãnh thổ của 2 miền Triều Tiên trong suốt 2000 năm. Nhật Bản và Việt Nam cũng có nhiều từ mượn từ chữ Hán. Theo thống kê của Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc thì
9. Trong nhiều thập kỷ qua, tiếng Hàn ngày càng phát triển thêm khi vay mượn nhiều từ tiếng Anh và chúng thường bị thêm ý nghĩa khác. Vì thế từ seobiseu - 서비스 (service) bên cạnh ý nghĩa cơ bản của nó, thì nó được sử dụng để chỉ dịch vụ khuyến mãi được cung cấp thêm. Ví dụ, một món tráng miệng miễn phí tại nhà hàng hoặc một dịch vụ miễn phí kèm theo tại khách sạn.
10. Một số từ mượn trong tiếng Hàn xuất hiện theo một cách khá lòng vòng. Nhiều từ khác nhau đến từ tiếng Đức thông qua những người Nhật cai trị Hàn Quốc và là đồng minh của Đức trong Thế chiến II. Ví dụ, từ “làm thêm” - 아르바이트 (areubaiteu) là “chế độ làm theo giờ” - 시간제.
11. Tiếng Hàn là ngôn ngữ chấp dính, muốn tạo ra một từ mới thì có thể dùng các âm (vần, chữ) để tạo ra một từ mới. Nếu bạn biết dịch các thành phần, bạn có thể đoán được ý nghĩa của nó. Ví dụ, từ "bình hoa" (꽃병, kkoch byeong) được hình thành từ sự kết hợp giữa "hoa" (꽃, kkoch) và "bình" (병, byeong).
12. Tiếng Hàn là ngôn ngữ khó với người châu Âu, họ cần 2200 giờ để học, nhưng với người thuộc vùng văn hóa chữ Hán (한자문화권) thì đây là ngôn ngữ khá dễ, nhất là phần từ vựng gốc Hán. Người Việt học tiếng Hàn khá dễ so với các ngôn ngữ khác.

13. Tên tiếng Hàn hiện đại thường bao gồm 3 âm tiết. Trong trường hợp này, âm tiết đầu tiên là họ, hai âm tiết còn lại là tên. Lấy ví dụ, Kim Il-sung hoặc Lee Myung-bak. Nhưng hầu hết các tên không có dấu hiệu để nhận biết giới tính. Tức là cái tên có thể thuộc về cả nam lẫn nữ. Cần lưu ý rằng chỉ được phép liên lạc bằng tên giữa họ hàng hoặc bạn bè thân thiết. Nếu là người ngoài thì có thể bị coi như một sự xúc phạm. Những từ ngữ xưng hô thường dùng để chỉ địa vị của một người: “Chúa”, “Thầy”, “Quý ngài”, “Quý ông”.
14. Trong tiếng Hàn, 2 hệ thống chữ số được sử dụng đó là số thuần Hàn và số Hán Hàn. Số thuần Hàn thường được dùng cho các số dưới 100, số Hán Hàn dùng cho các số lớn hơn và cũng được dùng để đếm số lần. Tuy nhiên quy tắc sử dụng các loại số khác nhau nói chung rất phức tạp và có thể gây khó khăn cho người học ngôn ngữ.
15. Trật tự ngữ pháp tiếng Hàn theo nguyên tắc SOV (chủ ngữ - tân ngữ - động từ), giống tiếng Nhật. Hoàn toàn ngược với tiếng Việt và tiếng Anh. Động từ luôn nằm ở cuối câu.
16. Khác với tiếng Việt thì vị trí quyết định thành phần trong câu, ngược lại, trong Hàn, thành phần câu có trợ từ để chỉ vai trò, vì thế vị trí thành phần câu có thể thay đổi mà ý nghĩa không thay đổi.
17. Định ngữ rất quan trọng trong tiếng Hàn. Sử dụng được định ngữ hoàn thiện thì giao tiếp tiếng Hàn mới hoàn thiện.
18. Tiếng Hàn không có thời thể như tiếng Anh (chính xác là không quá khó như tiếng Anh), tiếng Hàn giống tiếng Việt, khi sử dụng thời thể thì sử dụng phương pháp chấp dính để thể hiện.
19. Tháng 8 năm 2022, ở Việt Nam có 52 trường đại học và cao đẳng đào tạo khoảng 16.000 sinh viên đang học tiếng Hàn, ở Hàn Quốc có khoảng 30.000 du học sinh Việt Nam. Trong khi ở Hàn Quốc số sinh viên học tiếng Việt chỉ khoảng vài trăm.
20. Chứng chỉ nổi bật nhất của tiếng Hàn là TOPIK, kể từ 2023 áp dụng thi nói (không bắt buộc), tổ chức mỗi năm khoảng 3 kỳ thi tại Việt Nam, chứng chỉ thi để xuất khẩu lao động là EPS thì tổ chức tùy theo tình hình. Hàn Quốc sử dụng tiếng Hàn làm công cụ mở rộng ảnh hưởng trên toàn cầu.

21. Viết tiếng Hàn có cách chữ, cách này rất quan trọng, nếu viết sai thì ý nghĩa sẽ sai: 아버지 가방에 들어간다 bỏ đi vào phòng, nếu viết thành 아버지 가방에 들어간다 bỏ đi vào cái túi.
22. Tiếng Hàn rất hay bỏ chủ ngữ và bỏ luôn cả tân ngữ: “Anh yêu em” trong tiếng Hàn sẽ là 사랑해요, anh nhớ em sẽ là 보고싶어요, không thấy anh, cũng chẳng thấy em ở đâu cả.
23. Sự nhầm lẫn giữa “Hangeul” và “tiếng Hàn”: Theo định nghĩa của Khái niệm trong Điều 3 của Đạo luật Khung về Ngôn ngữ Hàn Quốc, “tiếng Hàn” có nghĩa là “ngôn ngữ chính thức của Đại Hàn Dân Quốc” và Hangeul là “ký tự đặc trưng của chúng ta để biểu thị tiếng Hàn.”
24. Hangeul đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới? Không chính xác. Vào 1/10/1997, UNESCO đã chọn Bảo vật Quốc gia số 70: Huấn dân chính âm giải lệ bản (Bảo tàng nghệ thuật Gansong) làm Di sản tư liệu thế giới của UNESCO. Điều này có nghĩa giá trị của quyển “Huấn dân chính âm giải lệ bản” đã được công nhận với tư cách là một bản ghi chép, nhưng việc liên kết nó với tính ưu việt của Hangeul là điều không hợp lý.
- 25.2 miền Triều Tiên kỷ niệm ngày Hangeul khác nhau. Ngày Hangeul hiện tại của Hàn Quốc – 9/10 là dựa trên ngày Huấn dân chính âm được ban hành vào năm 1446, tức năm thứ 28 triều vua Sejong. Tuy nhiên, để kỷ niệm ngày tạo ra nó, Triều Tiên đã chỉ định ngày 15/1 làm Ngày Hangeul và tổ chức các sự kiện kỷ niệm 5-10 năm một lần.
26. Hàn Quốc là quốc gia duy nhất kỷ niệm ngày sáng tạo chữ viết. Ross King, giáo sư ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học British Columbia, Canada, cho biết “Hàn Quốc là nơi duy nhất trên thế giới kỷ niệm ngày chữ viết này được tạo ra như một ngày lễ quốc gia”.
27. Chứng chỉ quan trọng nhất của tiếng Hàn là Topik, dễ nhất là topik 1, khó nhất là Topik 6. Thường thì học khoảng 3 tháng có thể có topik 1, học khoảng 6 tháng có thể có topik 2, nhưng để có thể có topik 6 thì bạn có thể phải học 4 năm đại học. Và thi Topik thì không thi nói. Ngoài ra, còn chứng chỉ EPS- Topik cho người xuất khẩu lao động nữa.